TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 01 - 7 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch

Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc "*Ly hôn*".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2021/QĐ-PT ngày 10/5/2021, Công văn số 253/2021/CV-TA về việc tạm dừng phiên tòa phúc thẩm, Thông báo số 68/2021/TB-TA ngày 14/6/2021 về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1961; địa chỉ đăng ký HKTT hiện nay: Số nhà A1, tổ dân phố B1, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà A2, tổ dân phố B2, phường N, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị H - là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Tiến D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Tiến D kết hôn với bà Đỗ Thị H vào ngày 30/12/1989, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, thị xã C, tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, ông D và bà H về chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Năm 2019 ông D đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà H, sau khi được Tòa án hòa giải, ông D đã rút đơn khởi kiện và vợ chồng quay về sống chung nhưng mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Hiện tại ông D và bà H đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà H để giải phóng cho cả hai bên. Qua phiên hòa giải lần thứ nhất, ông D đã xin từ chối hòa giải vì ông D cho rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, có hoà giải nhiều lần cũng không có kết quả, ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Ông D và bà H có 02 con chung là Bùi Minh T sinh ngày 04/5/1991 và Bùi Thái D - sinh ngày 08/7/2000. Các con chung đều phát triển bình thường, khỏe mạnh, đến nay đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2020, Biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị H kết hôn với ông Bùi Tiến D ngày 30/12/1989 tại UBND phường L, thị xã C, tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian dài sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, từ đó sống lạnh nhạt, coi thường bà H. Bà H thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn do đã không sống chung với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Hiện bà H đã lớn tuổi, không muốn gia đình tan vỡ, bà H chấp nhận bỏ qua lỗi lầm của ông D, bà muốn giữ gia đình cho các con có cả bố lẫn mẹ nên bà không đồng ý ly hôn với ông D. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay lại đoàn tụ, chung sống với nhau, chăm sóc nhau lúc tuổi già.

Về con chung: Ông D và bà H có 02 con chung là anh Bùi Minh T sinh ngày 04/5/1990 và anh Bùi Thái D sinh ngày 08/07/2000; đến nay các con chung đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26/01/2021 của TAND thành phố P quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật HNGĐ, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến D về việc: "Ly hôn".

- Về hôn nhân: Ông Bùi Tiến D được ly hôn với bà Đỗ Thị H.

- Về con chung: Không đề cập giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu Hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án thành phố giải quyết xét xử vắng mặt bà H là không hợp lý, vì bà H không được Tòa án thông báo về thời gian xét xử mà tiến hành xét xử vắng mặt bà nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, bà H đã có đơn xin hoãn phiên tòa vì bà H đang đi chữa bệnh nhưng không được Tòa án chấp nhận.

Bà H trình bày về nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng do ông D đi ngoại tình (từ tháng 8 năm 2018) nên ông D mới đối xử lạnh nhạt với bà H và làm đơn xin ly hôn. Sau khi được Tòa án hòa giải thời gian vợ chồng về đoàn tụ ông D không nói chuyện, không chia sẻ, không tôn trọng bà H, vô cớ bắt bẻ bà H trong việc đối xử với họ hàng bên nội, bên ngoại và ông D vẫn tiếp tục đi ngoại tình. Tháng 11/2020 thì ông D và bà H sống ly thân và ông D gửi đơn ra tòa xin ly hôn. Bà H bị ốm phải vào viện điều trị ông D không trông nom và cũng không gọi điện hỏi thăm lần nào. Bà H cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng bà H không nhất trí ly hôn.

Phía ông D trình bày: Do ông D và bà H bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong cách nuôi dạy con chung, trong quan hệ và cách cư xử với họ hàng bên nội, bên ngoại nên từ năm 2005 vợ chồng ông thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau. Bà H cũng đã từng viết đơn ly hôn để ông D ký nhưng sau đó bà H không gửi lên Tòa án. Tháng 9/2019 ông D cũng đã thuê nhà và sống ly thân với bà H, đồng thời ông D cũng đã gửi đơn đề nghị Tòa án thành phố giải quyết ly hôn, tuy nhiên sau khi được Tòa án hòa giải thì ông D đã đồng ý rút đơn và về đoàn tụ, chung sống với bà H được 09 tháng. Trong khoảng thời gian này, mâu thuẫn giữa ông D và bà H không được cải thiện, Bà H vẫn không tôn trọng ông D và cùng với con trai đánh ông D. Vì vậy 11/2020 ông D lại đi thuê nhà và sống ly thân với bà H cho đến nay. Ông D khẳng định tình cảm của ông D với bà H không còn, hai người đã không còn sự tôn trọng, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn chia sẻ, bàn bạc công việc chung của gia đình với nhau. Vì mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân sẽ chỉ tăng thêm sự căng thẳng cho cả hai bên và cũng không có hạnh phúc. Do đó, ông D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu tại phiên tòa: Đơn kháng cáo của bà H nộp trong hạn luật định như vậy kháng cáo là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng: Bà H đã được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã được nhận Quyết định hoãn phiên tòa (BL 34, 35, 44) nên nội dung kháng cáo của bà H về việc không được thông báo về thời gian xét xử ,vụ án này xét xử chưa khách quan, phiên tòa được thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông D và bà H không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho ông D và bà H ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên cần chấp nhận.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ khoản 1 Điều 308/BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26/01/2021 của TAND thành phố Điện Biên Phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến D về việc xin ly hôn với bà Đỗ Thị H, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn", tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H được nộp trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức đảm bảo theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị H:

2.1. Bà H cho rằng bà không được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo về thời gian xét xử vụ án:

Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Ngày 22/12/2020, TAND thành phố Điện Biên Phủ ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ trong đó ấn định ngày xét xử là ngày 08/01/2021; Bà H nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử kèm Giấy triệu tập vào ngày 24/12/2020 (BL 34).

Ngày 31/12/2020, TAND thành phố nhận được Đơn xin hoãn của bà H (BL 36-38). Ngày 08/01/2021 TAND thành phố Điện Biên phủ ra Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ấn định ngày xét xử là ngày 26/01/2021; quyết định này đã được gửi cho bà H vào ngày 13/01/2021 (BL 44). Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/01/2021, bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày, trong khoảng thời gian từ ngày 28/12/2020 đến 18/01/2021 bà H vẫn đang điều trị bệnh tại Điện Biên, thỉnh thoảng bà H vẫn xin về nhà và có ra sân UBND phường đánh bóng, tuy nhiên bà H không được nhận Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cấp sơ thẩm.

Sau khi được nhận diện chữ ký trong Biên bản giao nhận Quyết định Hoãn phiên tòa và Yêu cầu cung cấp giao nộp tài liệu, chứng cứ (BL44) thì bà H công nhận với Hội đồng xét xử phúc thẩm chữ ký trong Biên bản đúng là của bà H nhưng khi bà H ký thì Biên bản chưa điền nội dung và thực tế thì bà H không được nhận các văn bản tố tụng đó.

Căn cứ vào Biên bản giao nhận ngày 13/01/2021 thì bà H đã được nhận Quyết định Hoãn phiên tòa (trong đó ấn định thời gian xét xử vào 26/01/2021) và Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà H; Bà H không đưa ra được tài liệu nào chứng minh việc bà H không được nhận Quyết định Hoãn phiên tòa. Vì vậy nội dung kháng cáo của bà H về việc không được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo về thời gian xét xử vụ án không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

2.2. Bà H cho rằng vụ án này xét xử chưa khách quan, chưa tổ chức hòa giải 2 lần, phiên tòa chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án đã tổ chức hòa giải vào ngày 04/12/2020; sau đó, ông D nộp đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 207/BLTTDS thì vụ án này không tiến hành hòa giải lần thứ 2 được.

Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Thực tế ông D và bà H đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến nhau; đây là lần thứ hai ông D nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án cho thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự trầm trọng.

Ông D khai nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H đã xúc phạm và cùng con trai đánh ông D nhiều lần, tuy nhiên ngoài bản ảnh về việc ông D có vết thương trên mặt thì không có người làm chứng và không có tài liệu nào chứng minh nên chưa đủ căn cứ kết luận ông D bị bà H đánh. Bà H cho rằng ông D ngoại tình nhưng cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh việc này.

Bà H công nhận: Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài trong nhiều năm, từ tháng 11/2020 đến nay khi ông D sống ly thân và gửi đơn xin ly hôn thì bà H cũng không có biện pháp nào để hòa giải mâu thuẫn, tình cảm của ông D với bà H đến nay cũng không còn nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Căn cứ vào ý kiến của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ

vụ án, cũng như ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa ông D và bà H đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tin tưởng nhau…vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam,

Xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, cùng chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Đến nay, tình cảm của ông D với bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông D đề nghị được ly hôn và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó nội dung kháng cáo của bà H về việc Tòa án xét xử không khách quan, không đúng quy định và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng bà được đoàn tụ là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình số 06/HNGĐ ngày 26/01/2021 của TAND thành phố P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000383 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Đỗ Thị H không được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000471 ngày 05/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308/BLTTDS; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 17, 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Tuyên xử:

1.1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bùi Tiến D và bà Đỗ Thị H.

1.2. Về con chung: Không đề cập giải quyết.

1.3. Về tài sản và nợ chung: Không đề cập giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án lý hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000383 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên (ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000471 ngày 05/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên (bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01/07/2021).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP P;
- Chi cục THADS TP P;
- UBND phường L, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hằng